

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG

¹
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 122/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 15/11/2019

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Lê Huy

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông Võ Thanh Hải.

+ Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Phong Hiếu, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang: Bà Phạm Trà My, Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 313/2019/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2019 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 132/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà L, sinh năm 1985 (có đơn xin vắng mặt);

Địa chỉ: khu phố M, phường M, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: Ông H, sinh năm 1980 (có đơn xin vắng mặt);

Địa chỉ: khu phố M, phường M, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 05 tháng 8 năm 2019 và quá trình tố tụng, nguyên đơn bà L trình bày:

Bà và ông H kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn A, huyện C, tỉnh Tiền Giang theo Giấy chứng nhận kết hôn số 76, cấp ngày 29/6/2006. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung hạnh phúc, đến năm 2013 phát sinh mâu thuẫn do ông H có quan hệ bất chính với người dưới 13 tuổi và bị kết án, làm cho

tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn ngày thêm trầm trọng. Nhận thấy, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông H.

Về quan hệ con chung: có 01 con chung tên Đ, sinh ngày 01/02/2007, hiện đang sống chung với mẹ và được mẹ nuôi dưỡng, chăm sóc chu đáo. Bà L yêu cầu được trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn vì ông H đang chấp hành án, ông H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại bản khai ngày 11 tháng 9 năm 2019, bị đơn ông H trình bày: Ông và bà L kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn năm 2006. Trước đây vợ chồng sống chung hạnh phúc, không có mâu thuẫn. Theo yêu cầu xin ly hôn của bà L, ông không đồng ý ly hôn. Nếu Tòa án chấp nhận yêu cầu của ly hôn của bà L, ông đồng ý giao con chung cho bà L nuôi dưỡng, ông được quyền thăm nom con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

* Trong quá trình tố tụng, bà L cung cấp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ sau: Bản tự khai ngày 05/8/2019; bản sao Giấy khai sinh con chung; bản sao Sổ HKTT của bà L; bản sao Giấy chứng minh nhân dân của bà L; Bản tự khai của con chung; Giấy chứng nhận kết hôn; Đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Ông H cung cấp tài liệu, chứng cứ: Đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Tòa án thu thập tài liệu, chứng cứ: Biên bản xác minh tình trạng hôn nhân, nguyên nhân tranh chấp, điều kiện nuôi con chung; Biên bản ghi lời khai của ông H.

* Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang về việc tuân theo pháp luật tố tụng và về việc giải quyết vụ án: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng trong quá trình xét xử vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về giải quyết vụ án, căn cứ các điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà L, cho bà L ly hôn với ông H, giao con chung cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng, ông H không phải cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản và nợ chung của vợ chồng không yêu cầu giải quyết, bà L phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn bà L và bị đơn ông H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đương sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Bà L và ông H tự nguyện kết hôn với nhau năm 2006, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện C, tỉnh Tiền Giang theo Giấy chứng nhận kết hôn số 76, đăng ký ngày 29/6/2006. Quá trình sống chung, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, đến năm 2013 phát sinh mâu thuẫn do ông H có quan hệ bất chính và đã bị kết án, dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn. Xét thấy, hôn nhân giữa bà L và ông H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt, do vậy, yêu cầu xin ly hôn của bà L là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Về quan hệ con chung: Bà L và ông H có 01 con chung tên Đ, sinh ngày 01/02/2007, hiện đang sống chung với mẹ. Xét thấy, hiện ông H đang chấp hành án nên không thể trực tiếp nuôi con, đồng thời ông H cũng thống nhất giao cho bà L nuôi con sau khi ly hôn. Do vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự, giao cho bà L tiếp tục nuôi con chung sau khi ly hôn theo quy định tại Điều 58, Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, bà L và ông H có quyền, nghĩa vụ đối với con chung theo quy định tại Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà L yêu cầu không buộc ông H cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy yêu cầu này là tự nguyện không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4]. Về quan hệ tài sản chung: Bà L không yêu cầu giải quyết về quan hệ tài sản chung. Căn cứ Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử không xem xét xử lý.

[5]. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án, Bà L phải chịu án phí sơ thẩm không có giá ngạch đối với yêu cầu xin ly hôn là 300.000đồng.

[6]. Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang là phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28, Điều 147, Điều 228, Điều 271, Điều 273

Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà L. Bà L được ly hôn với ông H.

2. Về quan hệ con chung: Giao bà L trực tiếp nuôi con chung tên Đ, sinh ngày 01/02/2007. Ông H không phải cấp dưỡng nuôi con. Ông H có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn, không ai được cản trở.

3. Về quan hệ tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đồng: Bà L phải chịu toàn bộ. Chuyển 300.000đồng tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm mà bà L đã nộp (biên lai thu số 0000078 ngày 05/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang) thành án phí sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bà L và ông H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày được tổng đạt hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND thị xã Cai Lậy;
- Chi cục THADS thị xã Cai Lậy;
- UBND Phường M, thị xã C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Lê Huy